

Các loại vắc xin dành cho trẻ nhỏ

Vaccines for Young Children

Vaccines help prevent disease. Babies born in the United States may have their first vaccines right after birth. Future vaccines are given at well child check-ups with your child's doctor or at a local health department. Vaccines are needed for Women, Infants and Children (WIC) visits or when children enroll in school.

Vaccines are also called immunizations. They are often given as injections with a needle, also called shots. Vaccines are either given as a single dose or as many doses given over time. **The full number of doses for each vaccine must be given for the vaccine to protect your child from the disease.**

The vaccine schedule on the next page is for children birth to 6 years old (last updated February, 2020). More vaccines are needed for older children. Check with your child's doctor or local health department for the most current schedule and to get any needed vaccines your child has not yet had.

If your child misses a shot, you don't need to start over. Just go back to your child's doctor for the next shot.

Children with certain medical problems or who travel outside of the United States may need more vaccines.

You will get more information about each vaccine when it is being given to your child. Talk with your child's doctor if you have questions.

Các loại vắc xin giúp ngăn ngừa bệnh. Trẻ em sinh ra ở Hoa Kỳ có thể được tiêm các loại vắc xin lần đầu tiên ngay sau khi sinh. Các loại vắc xin sau đó sẽ được tiêm vào các lần khám sức khỏe dành cho trẻ khỏe mạnh với bác sĩ của trẻ hoặc tại sở y tế địa phương. Các loại vắc xin cần cho các lần khám cho Nữ giới, Trẻ sơ sinh và Trẻ em (WIC) hoặc khi trẻ ghi danh vào trường.

Các loại vắc xin còn được gọi là các chủng ngừa. Các loại vắc xin này thường được tiêm bằng kim, còn gọi là các mũi tiêm chủng. Các loại vắc xin được tiêm một liều duy nhất hoặc nhiều liều theo thời gian. **Toàn bộ số liều đối với mỗi loại vắc xin phải được tiêm đầy đủ để bảo vệ con quý vị không bị bệnh.**

Lịch tiêm vắc xin ở trang tiếp theo dành cho trẻ em từ lúc sinh đến 6 tuổi (cập nhật lần cuối vào tháng 2 năm 2020). Cần thêm các loại vắc xin đối với trẻ lớn hơn. Hãy hỏi ý kiến bác sĩ của con quý vị hoặc sở y tế địa phương để biết lịch tiêm chủng mới nhất và để được tiêm bất kỳ loại vắc xin nào cần thiết mà con quý vị chưa được tiêm.

Nếu con quý vị bỏ lỡ một lần tiêm, quý vị không cần phải bắt đầu tiêm lại. Chỉ cần quay lại chỗ bác sĩ của con quý vị để tiêm mũi tiếp theo.

Trẻ em có một số vấn đề bệnh lý nhất định hoặc ra khỏi Hoa Kỳ có thể cần thêm các loại vắc xin.

Quý vị sẽ có nhiều thông tin hơn về mỗi loại vắc xin khi loại đó được tiêm cho con quý vị. Hãy nói chuyện với bác sĩ của con quý vị nếu quý vị có thắc mắc.

Tuổi Age	Các loại vắc xin Vaccines	
Lúc sinh Birth	<ul style="list-style-type: none"> Hepatitis B: 1st dose 	<ul style="list-style-type: none"> Viêm gan B: Liều thứ nhất
2 tháng tuổi 2 months old	<ul style="list-style-type: none"> Hepatitis B: 2nd dose at 1 to 2 months DTaP (Diphtheria, Tetanus and Pertussis): 1st dose Hib (Haemophilus influenzae type b): 1st dose Pneumococcal Conjugate (PCV13): 1st dose Polio (IPV): 1st dose Rotavirus (RV): 1st dose Meningococcal: 2 months through 18 years for certain high risk groups 	<ul style="list-style-type: none"> Viêm gan B: Liều thứ 2 lúc 1 đến 2 tháng tuổi DTaP (Bạch hầu, Uốn ván và Ho gà): Liều thứ nhất Hib (Haemophilus influenzae tuýp b) Liều thứ nhất Liên hợp phế cầu khuẩn (PCV13) Liều thứ nhất Bại liệt (IPV): Liều thứ nhất Rotavirus (RV): Liều thứ nhất Viêm màng não mô cầu: 2 tháng tuổi đến 18 tuổi đối với một số nhóm nhất định có nguy cơ cao
4 tháng tuổi 4 months old	<ul style="list-style-type: none"> DTaP (Diphtheria, Tetanus and Pertussis): 2nd dose Hib (Haemophilus influenzae type b): 2nd dose Pneumococcal Conjugate (PCV13): 2nd dose Polio (IPV): 2nd dose Rotavirus (RV): 2nd dose 	<ul style="list-style-type: none"> DTaP (Bạch hầu, Uốn ván và Ho gà): Liều thứ 2 Hib (Haemophilus influenzae tuýp b): Liều thứ 2 Liên hợp phế cầu khuẩn (PCV13): Liều thứ 2 Bại liệt (IPV): Liều thứ 2 Rotavirus (RV): Liều thứ 2
6 tháng tuổi 6 months old	<ul style="list-style-type: none"> Hepatitis B: 3rd dose at 6 to 18 months DTaP (Diphtheria, Tetanus and Pertussis): 3rd dose Hib (Haemophilus influenzae type b): 3rd dose depending on vaccine series Pneumococcal Conjugate (PCV13): 3rd dose Polio (IPV): 3rd dose at 6 to 18 months Rotavirus (RV): if 3 dose vaccine series Influenza: yearly beginning at 6 months 	<ul style="list-style-type: none"> Viêm gan B: Liều thứ 3 lúc 6 đến 18 tháng tuổi DTaP (Bạch hầu, Uốn ván và Ho gà): Liều thứ 3 Hib (Haemophilus influenzae tuýp b): Liều thứ 3 tùy theo loại vắc xin nhiều liều Liên hợp phế cầu khuẩn (PCV13): Liều thứ 3 Bại liệt (IPV): Liều thứ 3 lúc 6 đến 18 tháng tuổi Rotavirus (RV): nếu loại vắc xin có 3 liều Cúm: hàng năm bắt đầu lúc 6 tháng tuổi

Tuổi Age	Các loại vắc xin Vaccines	
12 tháng tuổi 12 months old	<ul style="list-style-type: none"> • Hib (Haemophilus influenzae type b): 3rd or 4th dose at 12 to 15 months depending on vaccine series • Pneumococcal Conjugate (PCV13): 4th dose at 12 to 15 months • Measles, Mumps, Rubella (MMR): 1st dose at 12 to 15 months • Varicella: 1st dose at 12 to 15 months • Hepatitis A: 1st dose at 12 to 23 months (given as 2 doses that are 6 months apart) 	<ul style="list-style-type: none"> • Hib (Haemophilus influenzae tuýp b): Liều thứ 3 hoặc thứ 4 lúc 12 đến 15 tháng tuổi theo loại vắc xin nhiều liều • Liên hợp phế cầu khuẩn (PCV13): Liều thứ 4 lúc 12 đến 15 tháng tuổi • Sởi, Quai bị, Rubella (MMR): Liều thứ nhất lúc 12 đến 15 tháng tuổi • Thủy đậu: Liều thứ nhất lúc 12 đến 15 tháng tuổi • Viêm gan A: Liều thứ nhất lúc 12 đến 23 tháng tuổi (được chia thành 2 liều cách nhau 6 tháng)
15 đến 18 tháng tuổi 15 to 18 months old	<ul style="list-style-type: none"> • DTaP (Diphtheria, Tetanus & Pertussis): 4th dose 	<ul style="list-style-type: none"> • DTaP (Bạch hầu, Uốn ván và Ho gà): Liều thứ 4
2 tuổi đến 3 tuổi 2 to 3 years old	<ul style="list-style-type: none"> • Pneumococcal polysaccharide (PPSV23): 2 years through 18 years for certain high risk groups 	<ul style="list-style-type: none"> • Pneumococcal polysaccharide (PPSV23): 2 tuổi đến 18 tuổi đối với một số nhóm nhất định có nguy cơ cao
4 tuổi đến 6 tuổi 4 to 6 years old	<ul style="list-style-type: none"> • DTaP (Diphtheria, Tetanus and Pertussis): 5th dose • Polio (IPV): 4th dose • Measles, Mumps, Rubella (MMR): 2nd dose • Varicella: 2nd dose 	<ul style="list-style-type: none"> • DTaP (Bạch hầu, Uốn ván và Ho gà): Liều thứ 5 • Bại liệt (IPV): Liều thứ 4 • Sởi, Quai bị, Rubella (MMR): Liều thứ 2 • Thủy đậu: Liều thứ 2

Nguồn: Centers for Disease Control and Prevention, 2020 Recommended Vaccinations for Infants and Children (birth through 6 years) Parent-Friendly Version; Pneumococcal Vaccination; Hepatitis A Vaccination. CDC.gov.

Source: Centers for Disease Control and Prevention, 2020 Recommended Vaccinations for Infants and Children (birth through 6 years) Parent-Friendly Version; Pneumococcal Vaccination; Hepatitis A Vaccination. CDC.gov.

After Getting a Vaccine

Some children will be fussy, have redness and swelling where the shot was given, or a fever. This is normal.

Call your child's doctor right away if your child has any of these problems:

- Wheezing or problems breathing
- Swelling of the neck or face
- Convulsions (seizures) or muscle spasms
- Trouble waking from sleep
- Rectal temperature over 100.4 degrees Fahrenheit in children under 4 months or over 102 degrees Fahrenheit in children over 4 months.
- Constant crying for more than 3 hours, no matter what you do
- Rash or hives

Vaccine Record

Bring your child's vaccine record with you each time you visit your child's doctor or your local health department. Keep your child's vaccine record so you will have it for:

- Women, Infants and Children (WIC) visits, a food aide program
- Head Start, a preschool program
- Day care
- School

Talk to your child's doctor or nurse if you have any questions or concerns.

Sau khi tiêm vắc xin

Một số trẻ sẽ quấy, bị đỏ và sưng chỗ tiêm hoặc sốt. Điều này là bình thường.

Gọi bác sĩ ngay lập tức nếu trẻ có bất cứ vấn đề nào trong các vấn đề sau đây:

- Khò khè hoặc các vấn đề về hô hấp
- Sưng cổ hoặc mặt
- Co giật (giật) hoặc co thắt cơ
- Thức dậy khó khăn
- Nhiệt độ trực tràng trên 100,4 độ F ở trẻ dưới 4 tháng tuổi hoặc trên 102 độ F ở trẻ trên 4 tháng tuổi.
- Khóc liên tục hơn 3 tiếng đồng hồ, bất kể quý vị làm gì
- Phát ban hoặc nổi ban

Hồ sơ tiêm chủng

Mang theo hồ sơ tiêm chủng mỗi khi quý vị đến gặp bác sĩ của con quý vị hoặc đến sở y tế địa phương. Giữ hồ sơ tiêm chủng của trẻ để dùng cho:

- Các lần khám theo chương trình Phụ Nữ, Trẻ sơ sinh và Trẻ em (Women, Infants and Children, hay WIC), là một chương trình trợ cấp thực phẩm
- Theo chương trình Khởi đầu Sớm (Head Start), trường dự bị mẫu giáo
- Đến nơi trông trẻ ban ngày
- Học tiểu học hay trung học

Báo cho bác sĩ hoặc y tá biết nếu có bất kỳ thắc mắc hay lo ngại nào.